

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Giới Thiệu Về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Meridian, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị một bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Vui lòng lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị bao trả. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc loại ra khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Các loại thuốc được chọn bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn về độ tuổi.

Bậc 1A- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho các loại thuốc được chọn mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 1B- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Các thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 2- Khoản đồng thanh toán trung bình cho các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.

Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao bao gồm các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt phạm vi bảo hiểm.

Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể yêu cầu mua thuốc tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Chấp Thuận Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự chấp thuận trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Chấp Thuận Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu bị từ chối, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu chấp thuận trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt Trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Chấp Thuận Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không Thuộc Danh Mục Thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc bởi yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid đã mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Chấp Thuận Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)					
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
			SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA		1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations			<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	Opioid Partial Agonists		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
			<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTI-ANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>clordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTI-ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)	AIRSUPRA	3	
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
Leukotriene Modulators			<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)	ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)	BREO ELLIPTA	2	
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)	BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)	DULERA	2	
Steroid Inhalants			<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
ALVESCO	3	PA	<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
ARNUITY ELLIPTA	2		<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)	<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
QVAR REDHALER	2		PROAIR DIGIHALER	3	
Sympathomimetics			PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
AIRDUO DIGIHALER 113/14	3		SEREVENT DISKUS	2	
AIRDUO DIGIHALER 232/14	3		STIOLTO RESPIMAT	2	
AIRDUO DIGIHALER 55/14	3		STRIVERDI RESPIMAT	2	
			<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
			<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
			TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Xanthines			<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>aminophylline SOLN</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline ELIX</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)	<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline TB12</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline TB24</i>	1B		FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners			<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Coumarin Anticoagulants			HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B		Thrombin Inhibitors		
Direct Factor Xa Inhibitors			<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)	ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)	AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)	FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)	FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Heparins And Heparinoid-Like Agents			Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)			
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP			
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt amt
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	
<i>carbamazepine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
<i>lacosamide SOLN OR</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
DILANTIN	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
EMSAM	3	QL(1 ea daily)	<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)	<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Serotonin Modulators		
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	Insulin		
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	APIDRA SOLN	3	PA
Biguanides			BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
Diabetic Other			INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
Incretin Mimetic Agents			NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	2 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTI-HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>QUZYTIR SOLN IV</i>	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B		Antihypertensives - Misc.		
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	VECAMYL	3	PA
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	<i>eplerenone</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		Vasodilators		
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
			<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
			ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
			Anti-infective Agents - Misc.		
			<i>bacitracin</i>	3	
			IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1B	
			<i>trimethoprim TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomicin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4		<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>melphalan</i>	1B		INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>melphalan hcl</i>	1B		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4		LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
Antimetabolites			LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		KANJINTI	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B				
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP			

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OGIVRI	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
TRAZIMERA	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
TUKYSA	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	<i>letrozole</i>	1B	
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
DAURISMO	4	PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA	BALVERSA	4	PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
XPOVIO	4	PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRUKINSA	4	PA
Antineoplastic Antibiotics			CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Combinations			ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TAFINLAR TBSO	4	PA
KOSELUGO	4	PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TAZVERIK	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
MEKINIST SOLR	4	PA	TIBSOVO	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
MEKTOVI	4	SP; PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	XOSPATA	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
QINLOCK	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RETEVMO	4	PA	ZELBORAF	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B	
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	TYBOST	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	CMV Agents		
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Hepatitis Agents		
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)	BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)	<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)	EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)	PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3		<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)			
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3				
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)			
RUKOBIA	4	PA			
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefdinir CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
			<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail; 9 ea per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	PA
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Copper Contraceptives - IUD		
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	90 rtl day(s) supply; 90 rtl lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0	
MIRENA	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
EMFLAZA SUSP	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
Burn Products					
<i>mafenide acetate PACK</i>	3				
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)			
SULFAMYLON CREA	3				
Corticosteroids - Topical					
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
			<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
			<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
PTS PANELS KETONE TEST	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>toremide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide (recombinant)</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR	3	PA
Fertility Regulators		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA	ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA	<i>betaine</i>	4	SP; PA
GnRH/LHRH Antagonists			<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
ORLISSA	2	PA	<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
Growth Hormone Receptor Antagonists			<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			ELAPRASE	4	SP; PA
EGRIFTA 2 MG	4	PA	GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
EGRIFTA SV	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA
Growth Hormones			MYALEPT	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	NAGLAZYME	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
Hormone Receptor Modulators			PHEBURANE PLLT	4	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
INCRELEX	4	SP; PA	<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			Posterior Pituitary Hormones		
FENSOLVI SC	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Metabolic Modifiers			<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
			STIMATE SOLN NA	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL 0.06 % (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alose tron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1B	
<i>colchicine</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ</i> 1000 MCG/ML	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid</i> TABS	0	
Hematopoietic Growth Factors		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
<i>OSMOPREP</i>	3	PA
Stimulant Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin ethylsuccinate</i> TABS	3		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	
Fidaxomicin			KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	
DIFICID TABS	2		KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			KIMONO SPECIAL DEVI	0	
Contraceptives			K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	
AIMSCO LUBRICATED MISC	0		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	
CAYA DPRH	0		MAXX LUBRICATED MISC	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0		MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0				
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		Parenteral Therapy Supplies		
Diabetic Supplies			SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
MINERALS & ELECTROLYTES					
Bicarbonates					
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B				
Calcium					
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
Electrolyte Mixtures					
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		Fluoride		
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		Magnesium		
ISOLYTE-S	1B		<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		Phosphate		
<i>lactated ringer's</i>	1B		<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B		Potassium		
NORMOSOL-R	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride CPR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		NULOJIX	4	SP; PA
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			PROGRAF PACK	2	PA
Chelating Agents			PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	SIMULECT	3	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
Immunomodulators			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Irrigation Solutions		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>ringer's irrigation</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		Potassium Removing Agents		
<i>azathioprine TABS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
			Anesthetics Topical Oral		
			<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)	MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
Anti-infectives - Throat			NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
DEBACTEROL	2		ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Dental Products			ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Muscle Relaxant Combinations		
<i>carisoprodol w/ aspirin & codeine</i>	3	PA
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ml daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA	AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
NUTRIENTS			<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
Proteins			BESIVANCE	3	PA
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3		<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3		<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3		<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye			<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
Beta-blockers - Ophthalmic			<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B		KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		NATACYN	2	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B		<i>trifluridine</i>	1B	
Miotics			ZIRGAN GEL	2	
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		Ophthalmic Immunomodulators		
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<i>apraclonidine hcl</i>	1B		Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		<i>proparacaine hcl</i>	1B	
IOPIDINE	3		Ophthalmic Steroids		
Ophthalmic Anti-infectives			ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)	<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1B	
<i>difluprednate</i>	1B	PA	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B		CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
FML OINT	3	PA	<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA	<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
MAXIDEX SUSP OP	3	PA	<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B		LASTACFT	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B		NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
PRED MILD	3	PA	<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
PRED-G SUSP	3	PA	Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B		<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3		<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA	<i>tafluprost</i>	1B	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B		<i>travoprost SOLN</i>	1B	
ZYLET	3	PA	OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Ophthalmic Surgical Aids			Otic Agents - Miscellaneous		
HEALON PRO SOSY	3	PA	<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
PROVISC SOSY	3	PA	Otic Anti-infectives		
Ophthalmics - Misc.			<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
ALOCRIAL	3	PA	<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
ALOMIDE	3	PA	Otic Combinations		
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B		<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA	<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
<i>brinzolamide</i>	1B		CORTISPORIN-TC	3	
			<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial		

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		NEXIUM 24HR TBEC (<i>esomeprazole magnesium</i>)	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
H-2 Antagonists			Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		Ulcer Therapy Combinations		
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)	URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B		Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>nizatidine CAPS</i>	1B		<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B		<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer			<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Proton Pump Inhibitors					
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)			
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC			
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)			
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC			

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	AREXVY	0	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
<i>flavoxate hcl</i>	1B		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
VACCINES					
Bacterial Vaccines					
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY SUSP	0	
BEXSERO	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
MENACTRA	0		FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
MENQUADFI	0		FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
MENVEO SOLR	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
PEDVAX HIB SUSP	0				
PNEUMOVAX 23	0				
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0				
PREVNAR 13	0				
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply			
TRUMENBA	0				
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
			FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply

Ambetter Formulary Updated May 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
HAVRIX	0		PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill	RECOMBIVAX HB SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	ROTARIX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 50 yrs old)
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
			SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			TWINRIX SUSY	0	
			VAQTA	0	
			VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	AIRDUO DIGIHALER 55/14	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	AIRSUPRA	9
ABELCET	17	acyclovir topical CREA	39	AKYNZEO	17
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albendazole	7
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	62	albuterol sulfate AERS	9
ABRYSVO	64	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	9
acamprosate calcium	60	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate SYRP	9
acarbose	14	adapalene CREA	36	albuterol sulfate TABS	9
acebutolol hcl CAPS	31	adapalene GEL 0.1 %	36	alclometasone dipropionate CREA	39
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 %	36	alclometasone dipropionate OINT	39
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	ALDURAZYME	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	23	ALECENSA	25
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	30	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	33	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetazolamide CP12	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	62	alfuzosin hcl	46
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	64	ALINIA SUSR	21
acetazolamide TABS 125 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	64	aliskiren fumarate	20
acetazolamide TABS 250 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	64	allopurinol	47
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	ALOCRIAL	58
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin benzoate	15
acitretin 25 MG	38	AIMOVIG	52	alogliptin-metformin hcl	14
ACTHAR	43	AIMSCO LUBRICATED MISC	50	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	14
ACTHIB SOLR IM	64	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG,	
ACTIMMUNE	26				

30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate TABS	32	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	58	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alose tron hcl	46	amlodipine besylate-benazepril hcl 19		amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	19	amphotericin b IV	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-valsartan	19	amphotericin b liposome	17
alprazolam TB24	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	19	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
alprazolam TBDP	8	amoxapine	14	ampicillin CAPS 500 MG	59
ALREX SUSP (lote prednol etabonate)	57	amoxicillin & pot clavulanate CHEW 59		ampicillin sodium IJ 1 GM	59
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		anagrelide hcl	47
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		anastrozole	24
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin CAPS	59	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG 59		ANNOVERA	35
alvimopan	46	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	59	ANORO ELLIPTA	9
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	59	ANZEMET TABS 50 MG	16
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin TABS	59	APIDRA SOLN	15
amantadine hcl TABS	27	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
ambrisentan	33	amphetamine sulfate TABS	1	apomorphine hydrochloride SOCT	27
amcinonide CREA	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	apraclonidine hcl	57
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	17
amcinonide OINT	39			aprepitant CAPS 80 MG	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			aprepitant CAPS	17
amiloride & hydrochlorothiazide	43				
amiloride hcl TABS	43				
aminocaproic acid TABS	48				
aminophylline SOLN	10				
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8				
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	14				

aprepitant MISC	17	atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	29	azithromycin SUSR	49
APTIOM	11	atenolol & chlorthalidone	19	azithromycin TABS 250 MG	49
APTIVUS CAPS	29	atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	48	ATGAM	54	azithromycin TABS 600 MG	49
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	aztreonam 1 GM	21
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	57
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS	18	bacitracin	20
AREXVY	64	atovaquone	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	56
arformoterol tartrate	9	atovaquone-proguanil hcl	22	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	34
ARIKAYCE	2	atracurium besylate 100 MG/10ML 57		balsalazide disodium CAPS	46
aripiprazole SOLN OR	29	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BALVERSA	25
aripiprazole TABS	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
armodafinil	1	ATROVENT HFA	8	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ARMOUR THYROID TABS	62	AUSTEDO TABS	60	BARACLUDE SOLN	30
ARNUIITY ELLIPTA	9	AVONEX PEN AJKT	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	15
arsenic trioxide 10 MG/10ML	26	AVONEX PSKT	60	BAXDELA SOLR	45
ARZERRA	23	AYVAKIT	25	BAXDELA TABS	45
ascorbic acid SOLN IJ	67	azacitidine SUSR	23	BELSOMRA	49
asenapine maleate 2.5 MG	28	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
asenapine maleate 5 MG, 10 MG ..	28	AZATHIOPRINE	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	19
aspirin CHEW	4	azathioprine TABS	54	benazepril hcl	19
aspirin TABS 325 MG	4	azelaic acid GEL	41	bendamustine hcl SOLR	22
aspirin TBEC 325 MG	4	azelastine hcl (ophth)	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 36	
aspirin TBEC 81 MG	4	azelastine hcl	56	benzonatate 100 MG	36
aspirin-dipyridamole	47	AZELEX	36	benzonatate 150 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azithromycin PACK	49	benzonatate 200 MG	36
		azithromycin SOLR	49		

benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %36	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG64	brinzolamide58
benzoyl peroxide GEL 10 %36	bexarotene (topical)38	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11
benzoyl peroxide GEL 5 %36	bexarotene26	BRIVIACT TABS11
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %36	BEXSERO64	bromfenac sodium (ophth) 0.09 % .58
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 36	bicalutamide24	bromocriptine mesylate CAPS27
benztropine mesylate SOLN27	BIKTARVY29	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG27
benztropine mesylate TABS27	bimatoprost SOLN58	BRUKINSA25
bepotastine besilate58	bisacodyl SUPP49	budesonide (inhalation) SUSP9
BESIVANCE57	bisacodyl TBEC49	budesonide (intrarectal)7
betaine44	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide (nasal)56
betamethasone dipropionate (topical) CREA39	bisoprolol fumarate31	budesonide CPEP35
betamethasone dipropionate (topical) LOTN39	bleomycin sulfate 15 UNIT25	budesonide-formoterol fumarate dihydrate9
betamethasone dipropionate (topical) OINT39	BOOSTRIX SUSP62	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...43
betamethasone dipropionate augmented CREA39	BOOSTRIX SUSY62	bumetanide TABS43
betamethasone dipropionate augmented LOTN39	bortezomib SOLR IJ25	buprenorphine hcl SOLN6
betamethasone dipropionate augmented OINT39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..25	buprenorphine hcl SUBL6
betamethasone valerate CREA ...39	bosentan TABS 125 MG33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG6
betamethasone valerate FOAM ...39	bosentan TABS 62.5 MG33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG6
betamethasone valerate LOTN39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL6
betamethasone valerate OINT39	BOSULIF TABS 400 MG25	buprenorphine PTWK6
BETASERON KIT60	BRAFTOVI 75 MG25	bupropion hcl (smoking deterrent) 61
betaxolol hcl (ophth) SOLN57	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)9	bupropion hcl TABS12
betaxolol hcl31	BREO ELLIPTA9	bupropion hcl TB12 100 MG13
bethanechol chloride 25 MG64	BREZTRI AEROSPHERE9	bupropion hcl TB12 150 MG12
	BRILINTA47	bupropion hcl TB12 200 MG12
	brimonidine tartrate (topical)41	bupropion hcl TB24 150 MG13
	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 57	
	brimonidine tartrate-timolol maleate . 57	

bupropion hcl TB24 300 MG	13	dipropionate SUSP	39	carbidopa-levodopa TBCR	27
bupirone hcl 5 MG	8	calcitonin (salmon) NA	43	carbidopa-levodopa TBDP	28
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa-entacapone	27
busulfan SOLN	22	calcitriol CAPS	44	carbinoxamine maleate SOLN	17
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4	calcitriol SOLN IV	44	carbinoxamine maleate TABS 4 MG	17
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	22
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	46	carisoprodol TABS	56
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	53	carisoprodol w/ aspirin & codeine	56
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium polycarbophil TABS	49	carmustine	22
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CALQUENCE	25	carteolol hcl (ophth)	57
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	candesartan cilexetil	19	carvedilol	31
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	carvedilol phosphate	31
butenafine hcl	37	CAPASTAT SULFATE	22	casprofungin acetate	17
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	capecitabine	23	CAYA DPRH	50
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	CAPRELSA	25	CAYSTON	21
cabergoline	45	captopril 12.5 MG	19	cefaclor CAPS	33
CABLIVI	47	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	19	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CHEW	11	cefadroxil CAPS	33
calcipotriene CREA	38	carbamazepine CP12 100 MG	11	cefadroxil SUSR	33
calcipotriene OINT	38	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefadroxil TABS	33
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine SUSP	11	cefdinir CAPS	34
calcipotriene-betamethasone		carbamazepine TABS	11	cefdinir SUSR	34
		carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
		carbamazepine TB12 200 MG	11	cefixime CAPS	34
		carbidopa	27	cefixime SUSR	34
		carbidopa-levodopa TABS	27	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
				cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33

cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33	MG	22	ciprofloxacin hcl TABS	45
cefepodoxime proxetil SUSR	34	chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin in d5w 5 %-200	
cefepodoxime proxetil TABS	34	chlorpromazine hcl TABS	29	MG/100ML	45
cefprozil SUSR	33	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML,	
cefprozil TABS	33	chlorzoxazone TABS 500 MG	56	500 MG/5ML	45
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	CHOLBAM	45	ciprofloxacin-dexamethasone	58
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM,		cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25		ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	
500 MG	34	MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT,		58	
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34	2000 UNIT, 50000 UNIT	67	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	22
cefuroxime axetil TABS	33	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400		citalopram hydrobromide SOLN ...	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	33	UNIT	67	citalopram hydrobromide TABS 10	
celecoxib	3	cholestyramine light PACK	18	MG	13
CELONTIN (methsuximide)	12	cholestyramine light POWD	18	citalopram hydrobromide TABS 20	
cephalexin CAPS	33	cholestyramine PACK	18	MG	13
cephalexin SUSR	33	cholestyramine POWD	18	citalopram hydrobromide TABS 40	
CERDELGA	47	choline fenofibrate	18	MG	13
CEREZYME 400 UNIT	47	CHORIONIC GONADOTROPIN IM		clarithromycin SUSR	49
cetirizine hcl TABS	18	44		clarithromycin TABS	49
cevimeline hcl	55	ciclopirox GEL	37	clarithromycin TB24	49
CHEMET	16	ciclopirox olamine CREA	37	CLASSIC PRENATAL TABS	55
CHEMSTRIP-K STRP	42	ciclopirox olamine SUSP	37	clemastine fumarate SYRP	17
chloramphenicol sodium succinate		ciclopirox SHAM	37	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	
21		ciclopirox SOLN	37	17	
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cidofovir	30	CLIMARA PRO	45
chlordiazepoxide hcl-clidinium		cilostazol	47	clindamycin hcl	21
bromide	63	CIMDUO	29	clindamycin palmitate hydrochloride .	
chlordiazepoxide-amitriptyline	60	cimetidine TABS	63	21	
chlorhexidine gluconate (mouth-		cinacalcet hcl	44	clindamycin phosphate (topical)	
throat)	55	CIPRO SUSR	45	FOAM	36
chloroquine phosphate TABS 250		ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ...	57	clindamycin phosphate (topical) GEL	
MG	22	ciprofloxacin hcl (otic)	58	36	
chloroquine phosphate TABS 500				clindamycin phosphate (topical)	
				LOTN	36
				clindamycin phosphate (topical)	

SOLN	36	clomipramine hcl	14	COMETRIQ KIT	25
clindamycin phosphate (topical) SWAB	36	clonazepam TABS	11	COMIRNATY 2023-24 SUSP	64
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21	clonidine	19	COMIRNATY 2023-24 SUSY	64
clindamycin phosphate vaginal CREA	67	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY SUSP	64
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37	clonidine hcl TABS	19	COMPLERA	29
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37	clopidogrel bisulfate 300 MG	47	CONTRACE	1
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COPIKTRA	25
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 57		clorazepate dipotassium TABS	8	CORDRAN TAPE	40
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	57	clotrimazole (topical) CREA	37	CORLANOR SOLN	33
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 57		clotrimazole (topical) SOLN	37	CORLANOR TABS	33
clonazepam SUSP	10	clotrimazole	55	CORTISPORIN-TC	58
clonazepam TABS	10	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	67	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	38
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40		clotrimazole w/ betamethasone CREA	37	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	38
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	39	clotrimazole w/ betamethasone LOTN	37	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	38
clobetasol propionate FOAM	40	clozapine TABS	28	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	38
clobetasol propionate GEL 0.05 %	40	clozapine TBDP 100 MG	28	CREON CPEP	42
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 28		CRESEMBA CAPS 186 MG	17
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40		clozapine TBDP 25 MG	28	cromolyn sodium (ophth)	58
clonazepam pivalate	40	COARTEM	22	cromolyn sodium NEBU	8
clonazepam	23	codeine sulfate TABS 30 MG	5	crotamiton LOTN	41
clonazepam citrate TABS	44	CODEINE SULFATE TABS	5	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
		colchicine TABS	47	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	47
		colchicine w/ probenecid	47	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	56
		colesevelam hcl PACK	18	cyclophosphamide CAPS	23
		colesevelam hcl TABS	18	cyclophosphamide SOLR IJ	23
		colestipol hcl GRAN	18	cycloserine	22
		colestipol hcl PACK	18		
		colestipol hcl TABS	18		

cyclosporine (ophth) EMUL	57	darunavir TABS	29	(biphasic)	34
cyclosporine CAPS	54	DAURISMO	24	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	54	DEBACTEROL	55	desonide CREA	40
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	54	decitabine	23	desonide LOTN	40
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54	deferasirox PACK	16	desonide OINT	40
CYLTEZO AJKT	3	deferasirox TABS	16	desoximetasone CREA 0.25 %	40
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3	deferasirox TBSO	16	desoximetasone GEL	40
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	deferiprone TABS 500 MG	16	desoximetasone OINT 0.25 %	40
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	deflazacort TABS	35	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14
cyproheptadine hcl SYRP	18	DELSTRIGO	29	dexamethasone ELIX	35
cyproheptadine hcl TABS	18	demeclocycline hcl TABS	62	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35
CYSTAGON CAPS	46	DEPO-ESTRADIOL	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	58
CYSTARAN	58	DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	35
cytarabine SOLN	23	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 10		desipramine hcl TABS	14	dexamethasone SOLN	35
dacarbazine SOLR 200 MG	27	desloratadine TABS	18	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35
dactinomycin	25	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35
dalfampridine	60	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 17	
danazol CAPS	7	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dexlansoprazole	63
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate spray	44	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dapsone	21	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dexmethylphenidate hcl TABS	1
DAPTACEL	62	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
daptomycin 500 MG	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44			
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel & ethinyl estradiol	34		
		desogestrel-ethinyl estradiol			

dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	diflorasone diacetate CREA	40	DIPENTUM	46
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	diflorasone diacetate OINT	40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 17	
dextrose in lactated ringers	53	diflunisal TABS	4	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18
DIACOMIT CAPS 250 MG	11	difluprednate	58	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18
DIACOMIT CAPS 500 MG	11	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	32	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18
DIACOMIT PACK 250 MG	11	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	32	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16
DIACOMIT PACK 500 MG	11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	52	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	52	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	62
diazepam CONC	8	DILANTIN (phenytoin sodium extended)	12	dipyridamole	47
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	DILANTIN	12	disopyramide phosphate CAPS	8
diazepam TABS	8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	12	disulfiram	60
diazoxide	15	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	DIURIL SUSP	43
dichlorphenamide	42	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32	divalproex sodium TB24	12
diclofenac epolamine PTCH EX ...	38	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32	divalproex sodium TBEC	12
diclofenac potassium TABS 50 MG .	3	diltiazem hcl CP12	32	docetaxel CONC 20 MG/ML	27
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	38	diltiazem hcl CP24	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	27
diclofenac sodium (ophth)	58	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	32	docosate calcium	49
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	docosate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium TB24	3	DILTIAZEM HCL SOLR	32	docosate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac sodium TBEC	3	diltiazem hcl TABS	32	dofetilide	8
diclofenac w/ misoprostol TBEC	3	diltiazem hcl TB24	32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	60
dicloxacillin sodium	59	dimethyl fumarate CDPK	60	donepezil hydrochloride TABS 5 MG .	60
dicyclomine hcl CAPS	63	dimethyl fumarate CPDR	60	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	60
dicyclomine hcl SOLN OR	63			donepezil hydrochloride TBDP 5 MG	
dicyclomine hcl TABS	63				
DIFFERIN LOTN	37				
DIFICID TABS	50				

60	levomefolate calcium	34	ELIQUIS TABS	10
DOPTELET	DROXIA CAPS	48	ELLA	35
dorzolamide hcl	DUAVEE	58	ELMIRON CAPS	46
dorzolamide hcl-timolol maleate	DULERA	57	EMCYT	24
DOVATO	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	29	EMFLAZA SUSP	35
doxazosin mesylate	duloxetine hcl CPEP 40 MG	19	EMFLAZA TABS (deflazacort)	35
doxepin hcl (antipruritic)	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	38	EMGALITY SOAJ	52
doxepin hcl (sleep)	dutasteride	48	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	52
doxepin hcl CAPS	dutasteride-tamsulosin hcl	14	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	52
doxepin hcl CONC	econazole nitrate CREA	14	EMSAM	13
doxercalciferol CAPS	EDARBI	44	emtricitabine CAPS	29
doxercalciferol SOLN	EDURANT	44	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	29
doxorubicin hcl liposomal	efavirenz CAPS 200 MG	25	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29
doxorubicin hcl SOLN	efavirenz CAPS 50 MG	25	EMTRIVA SOLN	29
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	efavirenz TABS	25	EMVERM CHEW	7
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	62	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	62	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	EGRIFTA 2 MG	62	enalapril maleate TABS	19
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	EGRIFTA SV	62	ENBREL MINI SOCT	4
doxycycline hyclate CAPS	ELAPRASE	62	ENBREL SOLN	4
doxycycline hyclate SOLR	electrolyte-148	62	ENBREL SOLR	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	electrolyte-a	62	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
doxylamine-pyridoxine TBEC	ELESTRIN GEL	17	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
dronabinol CAPS	eletriptan hydrobromide	17	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
drosiprenone-ethinyl estradiol	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	34	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	64
drosiprenone-ethinyl estradiol-	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	34	ENGERIX-B SUSY	64
	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	10		

enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ergocalciferol CAPS	67	estradiol GEL 0.06 %	45
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10	ergocalciferol SOLN OR	67	estradiol GEL	45
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10	ergoloid mesylates TABS	61	estradiol PTTW	45
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10	ERGOMAR SUBL	52	estradiol PTWK	45
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol TABS	45
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	ERIVEDGE	24	estradiol vaginal CREA	67
ENSPRYNG	54	ERLEADA 240 MG	24	estradiol vaginal TABS	67
entacapone	27	ERLEADA 60 MG	24	estradiol valerate	45
entecavir TABS	30	erlotinib hcl	24	ESTROGEL GEL 0.06 % (estradiol) 45	
EPIDIOLEX	11	ERTACZO	37	eszopiclone	48
epinastine hcl (ophth)	58	ertapenem sodium IJ	21	ethacrynic acid	43
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	67	erythromycin (acne aid) PADS	37	ethambutol hcl TABS	22
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	67	erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethosuximide CAPS	12
EPIVIR HBV SOLN	30	erythromycin (ophth)	57	ethosuximide SOLN	12
eplerenone	20	erythromycin base CPEP	49	ethynodiol diacet & eth estrad	34
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	erythromycin base TABS	49	etodolac CAPS	3
epoprostenol sodium	32	erythromycin base TBEC	49	etodolac TABS	3
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		erythromycin ethylsuccinate SUSR 49		etonogestrel-ethinyl estradiol	35
EQUETRO 100 MG	28	erythromycin ethylsuccinate TABS 50		ETOPOPHOS	27
EQUETRO 200 MG	28	escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide CAPS	27
EQUETRO 300 MG	28	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27
ERAXIS	17	escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etravirine 100 MG	29
ERBITUX	24	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	etravirine 200 MG	29
		esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	63	EUCRISA	41
		esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	63	EVAMIST SOLN	45
		esomeprazole magnesium TBEC .	63	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
		estazolam	48	everolimus TABS	25
				EVOTAZ	29

exemestane	24	fenoprofen calcium TABS	3	2024 SUSY	65
ezetimibe	19	FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	65
ezetimibe-simvastatin	18	fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	65
famciclovir 125 MG, 250 MG	31	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	65
famciclovir 500 MG	31	ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65
famotidine in nacl SOLN	63	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
famotidine SOLN 20 MG/2ML	63	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	63	ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
famotidine SUSR	63	fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	63	FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
FANAPT	28	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FANAPT TITRATION PACK	28	finasteride	47	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FANTASY LUBRICATED MISC ...	50	fingolimod hcl	60	fluconazole SUSR	17
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	50	FIRDAPSE	22	fluconazole TABS	17
FARXIGA	16	FIRMAGON	24	flucytosine	17
FASENRA PEN SOAJ	8	flavoxate hcl	64	fludarabine phosphate SOLN	23
FASENRA SOSY	8	flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLR	23
FC2 FEMALE CONDOM	50	floxuridine	23	fludrocortisone acetate TABS	36
febuxostat	47	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
felbamate SUSP	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
felbamate TABS 600 MG	12	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	FLUMIST QUADRIVALENT	65
felodipine	32	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
FEMCAP DEVI	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-		fluocinolone acetonide (otic)	59
FEMRING	67				
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	18				
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	18				

fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	flurbiprofen sodium58	2023 SUSY66
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %40	flurbiprofen TABS3	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP66
fluocinolone acetonide OIL40	flutamide24	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY66
fluocinolone acetonide OINT40	fluticasone furoate-vilanterol9	FML FORTE SUSP58
fluocinolone acetonide SOLN40	fluticasone propionate (inhalation) AEPB9	FML OINT58
fluocinonide CREA 0.05 %40	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 56	folic acid TABS47
fluocinonide emulsified base40	fluticasone propionate CREA 0.05 % 40	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 10
fluocinonide GEL40	fluticasone propionate hfa9	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 10
fluocinonide OINT40	fluticasone propionate LOTN40	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .10
fluocinonide SOLN40	fluticasone propionate OINT40	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 10
fluorometholone (ophth) SUSP58	fluticasone-salmeterol AEPB9	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS42
fluorouracil (topical) CREA 5 %38	fluticasone-salmeterol AERO9	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..42
fluorouracil (topical) SOLN38	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...18	formoterol fumarate NEBU9
fluorouracil 500 MG/10ML23	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...18	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))43
fluoxetine hcl CAPS 10 MG13	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 13	FOSAMAX PLUS D43
fluoxetine hcl CAPS 20 MG13	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG13	fosamprenavir calcium TABS30
fluoxetine hcl CAPS 40 MG13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021- 202265	fosfomycin tromethamine21
fluoxetine hcl CPDR13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 202365	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide20
fluoxetine hcl SOLN13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 202465	fosinopril sodium19
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 13	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP65	fosphenytoin sodium12
fluoxetine hcl TABS 20 MG13	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY65	FRAGMIN SOSY10
fluphenazine hcl CONC29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP66	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM51
fluphenazine hcl ELIX29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY66	FREESTYLE LIBRE 14
fluphenazine hcl SOLN29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP66	
fluphenazine hcl TABS29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY66	
flurandrenolide CREA40		
flurandrenolide LOTN40		
flurazepam hcl48		

GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	42	HEPLISAV-B SOSY	66	MG-7.5 MG	6
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	16	HIBERIX SOLR IJ	64	hydrocodone-acetaminophen TABS	
granisetron hcl TABS	16	HUMATROPE CART IJ	44	325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325	
GRASTEK SUBL	2	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		MG-7.5 MG	6
griseofulvin microsize SUSP	17	DISEASE STARTER PACK PSKT 80		hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200	
griseofulvin microsize TABS	17	MG/0.8ML	3	MG, 5 MG-200 MG	6
griseofulvin ultramicrosize	17	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200	
guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA PEN PNKT	3	MG	6
guanfacine hcl	19	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER		hydrocortisone (intrarectal)	7
GNAZOLE-1	67	PNKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	7
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC		hydrocortisone (topical) CREA 1 %,	
HADLIMA SOSY	3	STARTER PACK PNKT	3	2.5 %	40
HAEGARDA SOLR SC	47	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER		hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	
HALAVEN	27	PNKT	3	40	
halcinonide CREA	40	HUMIRA PSKT	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %,	
halobetasol propionate CREA	40	HUMULIN R U-500		2.5 %	40
halobetasol propionate OINT	40	(CONCENTRATED) SOLN SC	15	hydrocortisone acetate (rectal)	7
HALOG OINT	40	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocortisone butyrate CREA	40
haloperidol decanoate	28	SC	15	hydrocortisone butyrate OINT	40
haloperidol lactate CONC	28	HYCAMTIN CAPS	27	hydrocortisone butyrate SOLN	40
haloperidol lactate SOLN	28	hydralazine hcl SOLN	20	hydrocortisone TABS	35
haloperidol TABS	28	hydralazine hcl TABS	20	hydrocortisone vaginal	67
HAVRIX	66	hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone valerate CREA	40
HEALON PRO SOSY	58	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG		hydrocortisone valerate OINT	40
HEMANGEOL SOLN OR	31	43		hydrocortisone w/acetic acid	59
heparin sodium (porcine) SOLN IJ		hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50		hydromorphone hcl LIQD	5
5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		MG	43	hydromorphone hcl SOLN IJ 10	
20000 UNIT/ML	10	hydrocodone polistirex-		MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45%		chlorpheniramine polistirex SUER	36	5	
SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl TABS	5
10		108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
		MG/10ML-5 MG/10ML, 325		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12	
		MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	MG, 16 MG	5
		hydrocodone-acetaminophen TABS			
		300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300			

hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	imipramine hcl TABS14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT 27
hydroxyurea27	imipramine pamoate14	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ...53
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8	imiquimod 5 % 41	IOPIDINE57
hydroxyzine hcl SYRP8	IMPAVIDO20	IPOL INACTIVATED IPV66
hydroxyzine hcl TABS8	INCRELEX 44	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56
hydroxyzine pamoate CAPS8	INCRUSE ELLIPTA8	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56
HYPERSAL NEBU36	indapamide TABS 1.25 MG43	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 9
HYQVIA 59	indapamide TABS 2.5 MG43	ipratropium-albuterol SOLN9
ibandronate sodium SOLN43	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	irbesartan19
ibandronate sodium TABS43	indomethacin CPCR4	irbesartan-hydrochlorothiazide ...20
IBRANCE CAPS25	INFANRIX62	IRESSA (gefitinib)24
IBRANCE TABS25	INFLECTRA SOLR46	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML27
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML3	INGREZZA CAPS60	irrigation solutions, physiological ..54
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4	INGREZZA CPPK60	ISENTRESS CHEW30
ibuprofen TABS 800 MG3	INLYTA23	ISENTRESS HD TABS30
icatibant acetate SOLN47	INREBIC25	ISENTRESS TABS30
icatibant acetate SOSY47	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 15	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%53
ICLUSIG25	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 15	ISOLYTE-S53
icosapent ethyl 1 GM18	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN15	isoniazid SOLN22
idarubicin hcl 20 MG/20ML25	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP15	isoniazid SYRP22
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML25	INSULIN ASPART SOLN IJ15	isoniazid TABS22
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML23	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN15	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG7
ifosfamide SOLR23	INSULIN DEGLUDEC SOLN15	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 32
imatinib mesylate25	INTELENCE 25 MG30	isosorbide mononitrate TABS7
IMBRUVICA CAPS 140 MG25	INTRAROSA67	isosorbide mononitrate TB247
IMBRUVICA CAPS 70 MG25		isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG37
IMBRUVICA SUSP25		
IMBRUVICA TABS25		
imipenem-cilastatin IV21		

isradipine CAPS	32	ketorolac tromethamine TABS	4	KOSELUGO	26
itraconazole CAPS	17	KETOSTIX STRP	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55
itraconazole SOLN	17	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 58		KRINTAFEL	22
ivermectin (pediculicide)	41	KEVZARA SOAJ	3	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	50
ivermectin	7	KEVZARA SOSY	3	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50
IXEMPRA KIT 15 MG	27	KIMONO COLORS DEVI	50	KYLEENA	35
JAKAFI	25	KIMONO LUBRICATED MISC	50	KYPROLIS	26
JANUMET TABS	14	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	50	labetalol hcl SOLN	31
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	14	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	31
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	14	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	labetalol hcl TABS 300 MG	31
JANUVIA	15	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	50	lacosamide SOLN OR	11
JARDIANCE	16	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lacosamide TABS	11
JEVTANA	27	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	50	lactated ringer's (irrigation)	54
JULUCA	30	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 50		lactated ringer's	53
KALYDECO TABS	61	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	50	lactic acid (ammonium lactate) CREA	41
KAMELEON LUBRICATED MISC .	50	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50		lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	41
KANJINTI	23	KIMONO SPECIAL DEVI	50	lactulose (encephalopathy)	46
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	53	KINRIX SUSY	62	lactulose SOLN	49
KEPIVANCE 6.25 MG	27	KISQALI	26	lamivudine (hbv) TABS	30
KESIMPTA	60	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	25	lamivudine SOLN	30
ketoconazole (topical) CREA	37	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	25	lamivudine TABS 150 MG	30
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	38	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	25	lamivudine TABS 300 MG	30
ketoconazole	17	KLARITY-A	57	lamivudine-zidovudine	30
KETONE STRP	42			lamotrigine CHEW 25 MG	11
KETONE TEST STRIPS STRP	42			lamotrigine CHEW 5 MG	11
ketoprofen CAPS 50 MG	4			lamotrigine TABS	11
ketorolac tromethamine (ophth) ...	58			lamotrigine TBDP	11

LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	32	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	15	levothyroxine sodium TABS	62
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	32	LEVEMIR SOLN	15	LEXIVA SUSP	30
lansoprazole CPDR 15 MG	63	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 11		lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49
lansoprazole CPDR 30 MG	63	levetiracetam TABS 1000 MG	11	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	55
lanthanum carbonate CHEW	46	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	11	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	54
lapatinib ditosylate	26	levetiracetam TABS 500 MG	11	lidocaine hcl GEL 2 %	41
LASTACAFT	58	levetiracetam TB24	11	lidocaine hcl PRSY	41
latanoprost SOLN	58	levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine hcl SOLN	41
leflunomide	4	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine PTCH 5 %	41
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	54	levocetirizine dihydrochloride TABS 18		lidocaine-prilocaine CREA	41
lenalidomide 20 MG	54	levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	LILETTA 20.1 MCG/DAY	35
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	45	lincomycin hcl	21
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	23	levofloxacin SOLN OR	45	linezolid SUSR	21
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	45	linezolid TABS	21
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	23	levofloxacin TABS 500 MG	45	LINZESS	46
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 34		lithyronine sodium SOLN	62
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lithyronine sodium TABS	62
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	34	lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20
letrozole	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	34	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leucovorin calcium SOLR	27	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lithium	28
leucovorin calcium TABS	27			lithium carbonate CAPS	28
LEUKERAN	23			lithium carbonate TABS	28
LEUKINE SOLR IJ	48			lithium carbonate TBCR	28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	24			LO LOESTRIN FE TABS	34
levalbuterol hcl	9			LOKELMA	54
levalbuterol tartrate	9			loperamide hcl CAPS	16
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	15			lopinavir-ritonavir SOLN	30
				lopinavir-ritonavir TABS	30

mesalamine SUPP	46	methoxsalen rapid	39	metolazone	43
mesalamine TBEC 1.2 GM	46	methscopolamine bromide	63	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20
mesalamine TBEC 800 MG	46	methsuximide	12	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20
metaxalone 800 MG	56	methyldopa TABS	19	metoprolol succinate TB24 200 MG 31	
metformin hcl TABS 1000 MG	15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	31
metformin hcl TABS 500 MG	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	31
metformin hcl TABS 850 MG	15	methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	31
metformin hcl TB24 500 MG	15	methylphenidate hcl CPCR	2	metronidazole (topical) CREA	41
metformin hcl TB24 750 MG	15	methylphenidate hcl SOLN	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41	
methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5		methylphenidate hcl TABS 5 MG ..	2	metronidazole (topical) LOTN	41
METHADONE HCL SOLN IJ	5	methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole TABS	20
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole vaginal	67
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5		methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	mexiletine hcl	8
methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	micafungin sodium	17
methadone hcl TABS 5 MG	5	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	67
methadone hcl TBSO	5	methylphenidate PTCH	2	midodrine hcl	67
methamphetamine hcl	1	methylprednisolone acetate SUSP 35		miglitol	14
methazolamide TABS	42	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	miglustat	47
methenamine hippurate	21	methylprednisolone TABS	35	minocycline hcl CAPS	62
methimazole TABS	62	methylprednisolone TBPK	35	minocycline hcl TABS	62
METHITEST TABS	7	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	20
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	56	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	46	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200	
METHOTREXATE	2	metoclopramide hcl TABS	46		
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	23				
methotrexate sodium SOLR	23				
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23					

MCG/0.3ML	48	montelukast sodium TABS	9	nafcillin sodium IV 10 GM	59
MIRENA	35	morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5		naftifine hcl CREA 1 %	38
mirtazapine TABS 15 MG	12	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5	naftifine hcl CREA 2 %	38
mirtazapine TABS 30 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5	NAGLAZYME	44
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	12	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5	nalbuphine hcl	7
mirtazapine TBDP 15 MG	12	morphine sulfate TABS	5	naloxone hcl LIQD	16
mirtazapine TBDP 30 MG	12	morphine sulfate TBCR	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	16
mirtazapine TBDP 45 MG	12	MOTOFEN	16	naltrexone hcl	16
misoprostol	63	MOVANTIK	46	naproxen sodium TABS 550 MG	4
mitomycin SOLR IV 20 MG	25	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	57	naproxen SUSP	4
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25	moxifloxacin hcl in sodium chloride 45		naproxen TABS	4
M-M-R II SOLR	66	moxifloxacin hcl TABS	45	naproxen TBEC 500 MG	4
M-NATAL PLUS TABS	55	MOZOBIL (plerixafor)	48	naratriptan hcl	52
modafinil 100 MG	2	MULPLETA	48	NATAACYN	57
modafinil 200 MG	2	MULTI PRENATAL TABS	55	NATAZIA	34
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	66	mupirocin OINT	37	nateglinide	16
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	66	MVASI	23	NAYZILAM	11
MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	66	MYALEPT	44	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	66	mycophenolate mofetil CAPS	54	nebivolol hcl 20 MG	31
moexipril hcl	19	mycophenolate mofetil TABS	54	NEBUSAL NEBU	36
mometasone furoate (nasal) SUSP 56		mycophenolate sodium	54	nefazodone hcl	13
mometasone furoate CREA	40	MYLERAN TABS	23	nelarabine	23
mometasone furoate OINT	40	nabumetone	4	neomycin sulfate TABS	2
mometasone furoate SOLN	40	nadolol TABS 20 MG	31	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57
montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABS 40 MG	31	neomycin-polymy-dexameth OINT	58
montelukast sodium PACK	9	nadolol TABS 80 MG	31	neomycin-polymy-dexameth SUSP 58	
				neomycin-polymyxin-hc (ophth)	58
				neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	

58	nicardipine hcl SOLN	32	NITROGLYCERIN SOLN IV	7
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	nicotine MISC XX	61	nitroglycerin SUBL	7
59	nicotine polacrilex GUM	61	NIVA-PLUS TABS	55
NEONATAL COMPLETE TABS 120	nicotine polacrilex LOZG	61	nizatidine CAPS	63
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	61	nizatidine SOLN	63
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	MG/24HR, 21 MG/24HR	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30	44
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	NICOTINE TRANSDERMAL		MG/3ML	
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	SYSTEM KIT	61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5	44
NEONATAL PLUS TABS	NICOTROL INHALER INHA	61	MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15	
NEONATAL PRENATAL VITAMIN	NICOTROL NS SOLN	61	MG/1.5ML	44
TABS	nifedipine CAPS 10 MG	32	norelgestromin-ethinyl estradiol	34
NEONATAL VITAMIN TABS	nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe CAPS	34
neostigmine methylsulfate SOSY	nifedipine TB24 60 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW	34
NEO-SYNALAR	nifedipine TB24 90 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1	
NEUPRO	nifedipine TB24	32	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	
NEVANAC	nilutamide	24	MCG-75 MG	34
nevirapine SUSP	nimodipine CAPS	32	norethindrone & eth estradiol	34
nevirapine TABS	NINLARO	26	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	34
nevirapine TB24 100 MG	NIPENT	27	norethindrone (contraceptive)	35
nevirapine TB24 400 MG	nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG,	32	norethindrone acet & eth estra	34
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole	30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone acetate TABS	60
magnesium)	nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate-ethinyl	
NEXPLANON	nitisinone CAPS	44	estradiol	45
NEXTSTELLIS	NITRO-BID OINT	7	norethindrone acetate-ethinyl	
niacin (antihyperlipidemic) TBCR	nitrofurantoin	21	estradiol-fe	34
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	
niacin TABS	100 MG	21	34
niacin TBCR	nitrofurantoin monohyd macro	21	norgestimate-ethinyl estradiol	
NIACIN TR TBCR	nitroglycerin (intra-anal)	7	(triphasic)	34
niacinamide TABS 100 MG	nitroglycerin CPCR	7	norgestimate-ethinyl estradiol	34
niacinamide TABS 500 MG	nitroglycerin PT24	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30	
nicardipine hcl CAPS			MCG-0.3 MG	34
			NORMOSOL-M/D5W	53

NORMOSOL-R	53	nystatin (topical) OINT	38	omeprazole TBEC	63
nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin (topical) POWD EX	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63
nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin TABS	17	OMNIFLEX DIAPHRAGM	50
NORVIR PACK	30	nystatin-triamcinolone CREA	38	ONCASPAR	26
NORVIR SOLN	30	nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 16	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	42	octreotide acetate SOLN	45	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	16
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	15	ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOSY	16
NOVOLIN 70/30 SUSP	15	ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 24 MG	16
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	OFEV	61	ondansetron hcl TABS 4 MG	16
NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (ophth)	57	ondansetron hcl TABS 8 MG	16
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16	ofloxacin (otic)	58	ondansetron TBDP 4 MG	17
NOVOLIN R SOLN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron TBDP 8 MG	17
NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	17	OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55
NP THYROID 120 TABS	62	olanzapine SOLR	28	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	55
NP THYROID 15 TABS	62	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	51
NP THYROID 30 TABS	62	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	51
NP THYROID 60 TABS	62	olanzapine TBDP 20 MG	29	OPILL	35
NP THYROID 90 TABS	62	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	OPSUMIT	33
NUBEQA	24	olmesartan medoxomil	19	ORENITRAM TBCR	32
NUCALA SOAJ	8	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORILISSA	44
NUCALA SOLR	8	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	61
NUCALA SOSY 100 MG/ML	8	olopatadine hcl (nasal)	56	ORKAMBI TABS	61
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8	olopatadine hcl 0.1 %	58	ORLADEYO	47
NUCYNTA ER TB12	5	olopatadine hcl 0.2 %	58	orphenadrine citrate TB12	56
NUCYNTA TABS	5	omega-3-acid ethyl esters	18	oseltamivir phosphate CAPS	31
NUEDEXTA	61	omeprazole CPDR	63		
NULOJIX	54	omeprazole magnesium CPDR	63		
nystatin (mouth-throat)	55				
nystatin (topical) CREA	38				

oseltamivir phosphate SUSR 31	OZEMPIC SOPN15	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG13
OSMOPREP 49	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML27	PASER PACK22
OSPHENA 44	paclitaxel protein-bound particles .27	pazopanib hcl 26
OTEZLA TABS4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .28	PEDIARIX SUSY 62
OTEZLA TBPK4	paliperidone 6 MG 28	pediatric multivitamins w/fl CHEW .55
oxacillin sodium IV 10 GM59	palonosetron hcl SOLN 17	PEDVAX HIB SUSP 64
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML 23	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML 43	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid49
oxandrolone7	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM49
oxaprozin TABS4	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT 42	PEGASYS SOLN 30
oxazepam CAPS8	PANRETIN 38	PEGASYS SOSY 30
OXBRYTA TABS 500 MG 47	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63	PEMAZYRE 26
oxcarbazepine SUSP 11	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 63	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG 11	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A35	penciclovir39
oxcarbazepine TABS 600 MG 11	paricalcitol CAPS 44	penicillamine CAPS54
oxiconazole nitrate CREA38	paricalcitol SOLN 44	penicillamine TABS 54
OXISTAT LOTN38	paroxetine hcl SUSP13	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59
oxybutynin chloride SOLN63	paroxetine hcl TABS 10 MG 13	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML59
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...63	paroxetine hcl TABS 20 MG 13	PENICILLIN G PROCAINE 59
oxybutynin chloride TB2463	paroxetine hcl TABS 30 MG 13	penicillin g sodium59
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG5	paroxetine hcl TABS 40 MG 13	penicillin v potassium SOLR59
oxycodone hcl TABS5	paroxetine hcl TABS 12.5 MG13	penicillin v potassium TABS 59
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG6		PENTACEL62
oxymorphone hcl TABS 5		
oxymorphone hcl TB12 40 MG 5		
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5		
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML15		

pentazocine w/ naloxone hcl	7	phentermine hcl CAPS	1	53	
pentoxifylline	47	phenytoin CHEW	12	PLEGRIDY SOPN	61
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	19	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	12	PLEGRIDY SOSY SC	61
perindopril erbumine 4 MG	19	phenytoin sodium SOLN	12	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	60
PERJETA	24	phenytoin SUSP	12	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	61
permethrin CREA	41	PHEXXI	67	plerixafor	48
permethrin LIQD EX	41	PHOSLYRA SOLN	46	PNEUMOVAX 23	64
perphenazine TABS	29	PHOTOFRIN	27	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	64
perphenazine-amitriptyline	60	PIFELTRO	30	podofilox SOLN	41
PERSERIS PRSY	28	pilocarpine hcl (oral)	55	polymyxin b sulfate SOLR	21
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	66	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %	57	polymyxin b-trimethoprim	57
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	66	pimecrolimus	41	POMALYST	25
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	66	pimozide	61	posaconazole SUSP	17
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	66	pindolol TABS	31	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	53
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	66	pioglitazone hcl	16	potassium bicarbonate TBEF	53
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	66	pioglitazone hcl-glimepiride	14	potassium chloride CPCR	54
PHEBURANE PLLT	44	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS	14	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	53
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	47	piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	53
phendimetrazine tartrate TABS	1	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	26	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	53
phenelzine sulfate	13	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	26	potassium chloride microencapsulated crystals er	53
phenobarbital ELIX	48	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	26	potassium chloride PACK OR 20	
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	48	pirfenidone CAPS	61		
phenoxybenzamine hcl	19	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	61		
		pirfenidone TABS 534 MG	61		
		piroxicam CAPS	4		
		PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	53		
		PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)			

MEQ	54	prednisolone acetate (ophth)	58	PRENATAL ONE DAILY TABS	55
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 54		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	58	PRENATAL PLUS TABS	55
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	54	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	55
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	54	prednisolone sodium phosphate TBDP	35	PRENATAL TABS	56
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	53	prednisolone SOLN	36	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	55
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	53	prednisolone TABS	36	PRENATAL VITAMIN TABS	55
potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	46	prednisone SOLN	36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML	53	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	55
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	36	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	55
pralatrexate 20 MG/ML	23	prednisone TBPK	36	PRENATRIX TABS	56
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	61	PRENATRYL TABS	56
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	61	PREPLUS TABS	56
prasugrel hcl	47	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 11		PREVNAR 13	64
pravastatin sodium	19	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	11	PREVNAR 20	64
praziquantel	7	pregabalin SOLN	11	PREZCOBIX	30
prazosin hcl CAPS	19	PREHEVBRIO	66	PREZISTA SUSP	30
PRECISION XTRA	42	PREMARIN	67	PREZISTA TABS (darunavir)	30
PRED MILD	58	PREMARIN SOLR	45	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	30
PRED-G SUSP	58	PREMARIN TABS	45	PRIFTIN	22
prednicarbate OINT	41	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	50	primaquine phosphate TABS	22
		PREMPHASE	45	primidone 50 MG, 250 MG	12
		PREMPRO	45	PRIORIX SUSR	66
		PRENATAL MULTIVITAMIN TABS		PROAIR DIGIHALER	9
		55		PROAIR RESPICLICK AEPB	9
				probenecid	47

procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	PULMOZYME 61	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS 56
prochlorperazine 29	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS 56	RA PRENATAL TABS 56
prochlorperazine maleate TABS ... 29	pyrazinamide 22	rabeprazole sodium TBEC 63
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 48	pyridostigmine bromide SOLN OR 22	raloxifene hcl 44
PROCRIT 40000 UNIT/ML 48	pyridostigmine bromide TABS 60 MG 22	ramelteon 49
progesterone CAPS 60	pyridostigmine bromide TBCR 22	ramipril CAPS 19
PROGRAF PACK 54	pyrimethamine 22	ranitidine hcl TABS 150 MG 63
PROGRAF SOLN 54	QC PRENATAL TABS 56	ranolazine TB12 1000 MG 7
PROLASTIN-C SOLN 61	QINLOCK 26	ranolazine TB12 500 MG 7
PROLEUKIN 27	QUADRACEL SUSP 62	rasagiline mesylate 28
PROLIA SOSY 43	QUADRACEL SUSY 62	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC .. 50
promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML 18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG 29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI 50
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG 18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG 29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50
promethazine hcl SUPP 50 MG ... 18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG 29	REBIF REBIDOSE SOAJ 61
promethazine hcl TABS 18	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG 29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ 61
propafenone hcl CP12 8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG 19	REBIF SOSY 61
propafenone hcl TABS 8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG 19	REBIF TITRATION PACK SOSY .. 61
proparacaine hcl 57	quinapril hcl 5 MG, 10 MG 19	RECOMBIVAX HB SUSP 66
propranolol hcl CP24 31	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG 20	RECOMBIVAX HB SUSY 66
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML 31	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG 20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) . 7
propranolol hcl TABS 31	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG 20	REGRANEX 41
propylthiouracil 62	quinidine sulfate TABS 8	RELENZA DISKHALER 31
protriptyline hcl 14	quinine sulfate CAPS 324 MG 22	RELEXXII TBCR 27 MG 2
PROVISC SOSY 58	QUZYTIR SOLN IV 18	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ... 2
PTS PANELS KETONE TEST 42	QVAR REDIHALER 9	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G 51
PULMICORT FLEXHALER AEPB .. 9		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE

25G	51	risedronate sodium TABS 35 MG ..	43	rufinamide TABS 400 MG	12
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE		risedronate sodium TABS 5 MG, 30		RUKOBIA	30
30G	51	MG	43	RUXIENCE	23
RELION KETONE TEST STRIPS		risedronate sodium TBEC	43	RYBELSUS TABS	15
STRP	42	RISPERDAL CONSTA (risperidone		salsalate	4
RELION TRUE METRIX		microspheres)	28	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ..	45
BLOODGLUCOSE TEST STRIPS		risperidone microspheres	28	SANTYL OINT	41
STRP	42	risperidone SOLN	28	sapropterin dihydrochloride	44
RENFLEXIS	46	risperidone TABS	28	sapropterin dihydrochloride	44
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risperidone TBDP	28	SAVELLA TABS	60
repaglinide 2 MG	16	ritonavir TABS	30	SAVELLA TITRATION PACK MISC	60
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		rivastigmine tartrate CAPS	60	60	
SOCT	19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	52	saxagliptin hcl	15
REPATHA SOSY	19	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000	14
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG ..	52	2.5 MG	14
RETACRIT	48	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	52	saxagliptin-metformin hcl 1000	14
RETEVMO	26	roflumilast	9	MG, 500 MG-5 MG	14
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30	romidepsin SOLR	26	scopolamine	17
REXULTI	29	ropinirole hydrochloride TABS	28	SELECT INSULIN SYRINGES	51
ribavirin (hepatitis c) CAPS	30	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,		SELECT INSULIN SYRINGES	52
ribavirin (hepatitis c) TABS 200		4 MG, 6 MG	28	SELECT LANCETS	51
31		ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,		selegiline hcl CAPS	28
RIDAURA	3	12 MG	28	selegiline hcl TABS	28
rifabutin	22	rosuvastatin calcium TABS	19	selenium sulfide LOTN 2.5 %	39
rifampin CAPS	22	ROTARIX SUSP	66	SELZENTRY SOLN	30
rifampin SOLR	22	ROTARIX SUSR	66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	
riluzole TABS	56	ROTATEQ SOLN	66	30	
rimantadine hydrochloride TABS ..	31	ROZLYTREK CAPS	26	SEREVENT DISKUS	9
ringer's	53	RUBRACA	26	sertraline hcl CONC	13
ringer's irrigation	54	rufinamide SUSP	12	sertraline hcl TABS 100 MG	13
RINVOQ	2	rufinamide TABS 200 MG	12	sertraline hcl TABS 25 MG, 50	
risedronate sodium TABS 150 MG	43			13	

sevelamer carbonate PACK	46	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 % , 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	54	SOVALDI TABS 400 MG	31
sevelamer carbonate TABS	46	sodium citrate & citric acid	46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	66
SHINGRIX	66	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	53	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	66
SIGNIFOR	45	sodium phenylbutyrate POWD	44	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	66
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33	sodium phenylbutyrate TABS	44	spinosad	41
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33	sodium polystyrene sulfonate POWD 54		SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33	sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML	54	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9
sildenafil citrate	32	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	49	spironolactone & hydrochlorothiazide	43
silodosin	47	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31	spironolactone TABS	43
silver sulfadiazine	39	SOLIFENACIN SUCCINATE TABS	63	SPRAVATO 56MG DOSE	13
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	SPRAVATO 84MG DOSE	13
SIMULECT	54	SOLU-CORTEF 250 MG	36	SPRYCEL	26
simvastatin TABS	19	SOLU-MEDROL 2 GM	36	stannous fluoride CONC	55
sirolimus TABS	54	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 44		stavudine CAPS	30
SIRTURO	22	SORafenib tosylate	26	STELARA 130 MG/26ML	46
SIVEXTRO TABS	21	SORBITOL 3 %	46	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	39
SKYLA	35	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	46	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39
SKYRIZI PEN SOAJ	39	sotalol hcl (afib/af)	31	STELARA SOSY 90 MG/ML	39
SKYRIZI PSKT	39	sotalol hcl TABS 240 MG	32	STENDRA	32
SKYRIZI SOCT	46	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31	STIMATE SOLN NA	44
SKYRIZI SOSY	39	SOVALDI TABS 200 MG	31	STIOLTO RESPIMAT	9
SLYND	35			STIVARGA	26
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	56			streptomycin sulfate SOLR	2
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	53			STRIBILD	30
sodium acetate SOLN	53			STRIVERDI RESPIMAT	9
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46			SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	36			SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG,	

600 MCG	6	sumatriptan succinate SOCT	52	TAKHZYRO SOLN	47
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	5	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52	TAKHZYRO SOSY	47
sucralfate SUSP	63	sumatriptan succinate TABS	52	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	26
sucralfate TABS	63	sumatriptan-naproxen sodium	52	tamoxifen citrate TABS	24
sulconazole nitrate CREA	38	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26	tamsulosin hcl	47
sulconazole nitrate SOLN	38	SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	26
sulfacetamide sodium (acne)	37	SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 50 MG	26
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57		SYNAREL	44	tavorole	38
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	37	SYNERA PTCH	41	tazarotene CREA	39
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37	SYNJARDY TABS	15	TAZVERIK	26
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TDVAX SUSP	62
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	14	TEFLARO	34
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	58	SYNRIBO	27	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	
sulfadiazine TABS	61	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	62	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABLOID	23	TEGSEDI	61
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	TABRECTA	26	telmisartan	19
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus (topical) OINT	41	telmisartan-amlodipine	20
SULFAMYLON CREA	39	tacrolimus CAPS	54	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	20
sulfasalazine TABS	46	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	33	temazepam 15 MG, 30 MG	48
sulfasalazine TBEC	46	tadalafil 5 MG	32	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	48
sulindac TABS	4	TAFINLAR CAPS	26	TEMODAR SOLR	23
sumatriptan	52	TAFINLAR TBSO	26	temozolomide CAPS	23
sumatriptan succinate SOAJ	52	tafluprost	58	temsirolimus	26
		TAGRISSO 40 MG	24	TENIVAC INJ	62
		TAGRISSO 80 MG	24	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30	
				terazosin hcl	19
				terbinafine hcl TABS	17

terbutaline sulfate SOLN	9	TIBSOVO	26	topiramate TABS 50 MG	12
terbutaline sulfate TABS	9	tigecycline	62	topotecan hcl SOLN	27
terconazole vaginal CREA	67	timolol maleate (ophth) SOLG	57	topotecan hcl SOLR	27
terconazole vaginal SUPP	67	timolol maleate (ophth) SOLN	57	toremifene citrate	24
teriflunomide	61	timolol maleate TABS	32	toremide TABS	43
teriparatide (recombinant) SOPN ..	43	tiopronin TBEC 100 MG	47	TRACLEER TBSO	33
TERIPARATIDE SOPN	43	tiopronin TBEC 300 MG	47	tramadol hcl TABS 50 MG	6
TESTOSTERONE CYPIONATE		tiotropium bromide monohydrate		tramadol hcl TB24	6
SOLN IJ 200 MG/ML	7	CAPS	9	tramadol-acetaminophen	6
testosterone cypionate SOLN IM ...	7	TIVICAY TABS	30	trandolapril 1 MG, 2 MG	19
testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl CAPS	56	trandolapril 4 MG	19
TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-		tizanidine hcl TABS	56	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2	
ADSORBED ADULT SUSP	62	tobramycin (ophth) SOLN	57	MG, 240 MG-1 MG	20
tetrabenazine	60	tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	
tetracycline hcl CAPS	62	tobramycin sulfate SOLN IJ 10		MG, 240 MG-4 MG	20
THALOMID	54	MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2	tranexamic acid SOLN 1000	
theophylline ELIX	10	tobramycin-dexamethasone SUSP		MG/10ML	48
theophylline SOLN	10	58		tranexamic acid TABS	48
theophylline TB12	10	TODAY SPONGE MISC	67	tranylcypromine sulfate	13
theophylline TB24	10	tolcapone	27	travoprost SOLN	58
THERANATAL CORE NUTRITION		tolmetin sodium CAPS	4	TRAZIMERA	24
TABS	56	tolmetin sodium TABS 600 MG	4	trazodone hcl TABS	13
THIOLA EC TBEC 100 MG		TOLSURA CAPS	17	TRECATOR	22
(tiopronin)	47	tolterodine tartrate CP24	64	TRELEGY ELLIPTA	9
THIOLA EC TBEC 300 MG		tolterodine tartrate TABS	64	TRELSTAR MIXJECT	24
(tiopronin)	47	tolvaptan TABS	45	TREMFYA SOPN	39
thioridazine hcl	29	topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA SOSY	39
thiotepa 15 MG	23	topiramate CPSP 25 MG	12	treprostinil SOLN IJ	32
thiothixene	29	topiramate CS24	12	tretinoin (chemotherapy)	27
THYMOGLOBULIN	54	topiramate TABS 200 MG	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	
THYROGEN 0.9 MG	42	topiramate TABS 25 MG, 100 MG ..	12	%	37
tiagabine hcl	12				

tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37	trifluridine	57	EXTRASTRENGTH MISC	50
tretinoin microsphere 0.1 %	37	trihexyphenidyl hcl SOLN	27	TRUSTEX LUBRICATED MISC	51
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	23	trihexyphenidyl hcl TABS	27	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	50
triamcinolone acetonide (mouth)	55	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50
triamcinolone acetonide (nasal) AERO	56	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	51
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	41	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	61	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	41	trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	51
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	41	trimethoprim TABS	20	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	51
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	41	trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	51
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	41	TRINTELLIX	13	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	51
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41	TRIUMEQ TABS	30	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	51
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41	TRIZIVIR	30		
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36	tropicamide SOLN 0.5 %	57		
triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone	41	tropicamide SOLN 1 %	57		
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43	trospium chloride CP24	64		
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43	trospium chloride TABS	64		
triamterene CAPS	43	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	42		
triazolam	49	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51		
TRICARE TABS	56	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	42		
trientine hcl 250 MG	54	TRULICITY	15		
trifluoperazine hcl TABS	29	TRUMENBA	64		
		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	50		
		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	50		
		TRUSTEX LUBRICATED			
				TRUXIMA	23
				TUKYSA	24
				TURALIO	26
				TUZISTRA XR	36
				TWINRIX SUSY	66
				TWIRLA	35
				TYBLUME CHEW	34
				TYBOST	30
				TYMLOS	43
				TYVASO REFILL SOLN IN	33

TYVASO SOLN IN	33	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML ..	21	vilazodone hcl TABS	13
TYVASO STARTER SOLN IN	33	VAQTA	66	vincristine sulfate	27
UBRELVY	52	varenicline tartrate TABS	61	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27
UCERIS (budesonide (intrarectal)) ..	7	varenicline tartrate TBPK	61	VIRACEPT TABS 250 MG	30
UDENYCA ONBODY SOSY	48	VARIVAX INJ	66	VIRACEPT TABS 625 MG	30
UDENYCA SOAJ	48	VARUBI TBPK	17	VIREAD POWD	30
UDENYCA SOSY	48	VAXNEUVANCE	64	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	30
UPTRAVI TABS 200 MCG	33	VECAMYL	20	VISTOGARD	16
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	33	VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	67
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 33		VELPHORO	46	VITATHELY/GINGER TABS	56
ursodiol CAPS	45	venlafaxine hcl CP24 150 MG	14	VITRAKVI CAPS	26
ursodiol TABS	45	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14	VITRAKVI SOLN	26
UVADEX	27	venlafaxine hcl CP24 75 MG	14	VIZIMPRO	24
valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	31	venlafaxine hcl TABS	14	VORAXAZE	27
valacyclovir hcl 500 MG	31	venlafaxine hcl TB24 150 MG	14	voriconazole TABS	17
valganciclovir hcl TABS	30	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14	VOTRIENT (pazopanib hcl)	26
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	12	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	32	VYNDAMAX	33
valproic acid CAPS	12	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	32	VYNDAQEL	33
valrubicin	25	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	32	VYVANSE CAPS	1
valsartan TABS	19	verapamil hcl TABS	32	warfarin sodium TABS	10
valsartan-hydrochlorothiazide	20	verapamil hcl TBCR	32	water for irrigation, sterile	54
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...	11	VEREGEN	37	WESTAB PLUS TABS	56
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11	VERZENIO	26	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	51
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11	VICTOZA	15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	51
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	51
vancomycin hcl CAPS	21	vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	51
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	21	VIIBRYD STARTER PACK KIT ...	13	WIDE-SEAL SILICONE	

DIAPHRAGM KIT 80	51	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25	zidovudine SYRP	30
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	51	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25	zidovudine TABS	30
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	51	XTAMPZA ER	ZIEXTENZO	48
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI CAPS	zileuton TB12	9
XALKORI CAPS	26	XTANDI TABS 40 MG	ziprasidone hcl	28
XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XTANDI TABS 80 MG	ZIRABEV	23
XARELTO SUSR	10	XULTOPHY 100/3.6	ZIRGAN GEL	57
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	10	YERVOY	ZOLADEX 10.8 MG	24
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	10	YONSA	ZOLADEX 3.6 MG	24
XELJANZ SOLN	2	zafirlukast	zoledronic acid CONC	43
XELJANZ TABS 10 MG	2	zaleplon 10 MG	zoledronic acid SOLN	43
XELJANZ TABS 5 MG	2	zaleplon 5 MG	ZOLINZA	26
XELJANZ XR TB24	2	ZALTRAP 100 MG/4ML	zolmitriptan SOLN	52
XEOMIN	56	ZANOSAR	zolmitriptan TABS	53
XERAVA	62	ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	zolmitriptan TBDP	53
XGEVA SOLN	43	ZARXIO	zolpidem tartrate TABS	49
XHANCE EXHU	56	ZEJULA CAPS	zolpidem tartrate TBCR	49
XIFAXAN 200 MG	21	ZEJULA TABS 100 MG	zonisamide CAPS	12
XIFAXAN 550 MG	21	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	ZONTIVITY	47
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	ZORBTIVE SC	44
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZELBORAF	ZYDELIG	26
XOLAIR SOLR	8	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	ZYLET	58
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT		
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8	zidovudine CAPS		30
XOSPATA	26			
XPOVIO	25			

Ambetter from Meridian is underwritten by Meridian Health Plan of Michigan, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the Michigan Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. © 2023 Meridian Health Plan of Michigan, Inc. All rights reserved.